



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 49

Ngày 27 tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

		Trang
16-9-2021	Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
21-9-2021	Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND quy định về chế độ học bổng đối với lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2021 - 2022.	20
23-9-2021	Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	22

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-9-2021	Chỉ thị số 23/CT-UBND về việc tuyên chọn và gọi công dân vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2022.	31
-----------	--	----

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 54/2021/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;**Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;**Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;*

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1998/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Công văn số 2873/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2021 và thay thế Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các dự án có các thủ tục đã được cấp hoặc người có thẩm quyền thẩm định, quyết định hoặc đã trình hồ sơ đến cấp có thẩm quyền thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì các thủ tục không phải thực hiện lại theo Quy định này. Các công việc tiếp theo thực hiện theo Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế:

a) Vốn đầu tư công: vốn ngân sách nhà nước (vốn ngân sách trung ương chi cho đầu tư phát triển, vốn ngân sách địa phương chi cho đầu tư phát triển); vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

c) Các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có nguồn vốn đầu tư công hoặc vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất tại Điểm này.

2. Các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, gồm: Dự án đầu tư trong Khu Kinh tế, Công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế do Ban Quản lý Khu Kinh tế, Công nghiệp trực tiếp quản lý vốn; dự án sử dụng vốn ODA, NGO; dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP); dự án xây dựng công trình đặc thù (công trình bí mật nhà nước, công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp); công trình xây dựng tạm; dự án khu đô thị mới; dự án thuộc diện cấp quyết định chủ trương đầu tư; dự án thực hiện theo phương thức đấu giá quyền sử dụng đất; dự án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên khác; dự án thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia.

3. Các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện công tác quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà và thành phố Huế.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
3. Dự án nhóm A, B, C: theo phân loại dự án quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).
4. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: bao gồm Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương.
5. Sở quản lý ngành: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh gồm có các sở và cơ quan tương đương sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành hoặc lĩnh vực công tác quy định.

Chương II**CÔNG TÁC QUY HOẠCH****Điều 4. Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch**

1. Việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và pháp luật liên quan.
2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng.
3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại Quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về kỹ thuật, chuyên ngành.

4. Dự toán nhiệm vụ quy hoạch đề lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với quy hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đối với quy hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Trường hợp cần thiết thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đối với quy hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập đối với quy hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 5. Đầu mối cung cấp thông tin quy hoạch

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế - xã hội liên quan nội dung quy hoạch tỉnh.

2. Sở quản lý ngành cung cấp thông tin về quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; các quy hoạch thuộc ngành mình phụ trách theo quy định phải tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thông tin khác liên quan dữ liệu đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Sở Xây dựng cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi đô thị mới An Vân Dương, khu vực chưa có quy hoạch chung của thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, Hương Trà; khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính hai huyện (thành phố, thị xã) trở lên.

5. UBND cấp huyện cung cấp thông tin về nội dung quy hoạch liên quan các hoạt động kinh tế xã hội cấp huyện, dữ liệu đất đai, quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền.

Chương III

QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 6. Một số quy định trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án

1. Dự án đầu tư phải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch có liên quan theo quy định pháp luật về quy hoạch.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có liên quan đến công trình hiện trạng (phải tháo dỡ để xây dựng mới, cải tạo sửa chữa, mở rộng), cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư phối hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình tổ chức đánh giá chất lượng hiện trạng công trình. Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng công trình là cơ sở để xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Chi phí đánh giá chất lượng hiện trạng công trình được tính trong tổng mức đầu tư dự án.

3. Công trình công cộng có quy mô cấp đặc biệt, cấp I; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên; công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính phải tổ chức thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc. Việc tổ chức thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định hình thức thi tuyển phương án kiến trúc, quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc. Chi phí thi tuyển phương án kiến trúc được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 7. Chủ trương đầu tư dự án

1. Cơ quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện.

c) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện.

d) Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao đơn vị quản lý, sử dụng cơ sở vật chất hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện.

2. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư dự án:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước; dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

Dự án nhóm A: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Dự án nhóm B, C do cấp tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Dự án nhóm B, C do cấp huyện quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Dự án nhóm B, C do cấp xã quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thuộc quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao bộ phận chuyên môn chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

c) Dự án sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất: Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án do mình quản lý. Các dự án còn lại do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do cấp tỉnh quản lý; phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện chủ trì, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã chủ trì, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do cấp xã quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh quản lý.

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

c) Dự án sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất: Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc cấp mình quản lý.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án:

a) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 27 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 6 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

b) Dự án sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất:

Căn cứ hiện trạng và mức độ xuống cấp của cơ sở vật chất, đơn vị quản lý, sử dụng đề xuất danh mục dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, gửi cơ quan chủ quản (nếu có) tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 30/6 để kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, thống nhất danh mục dự án dự kiến sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thuộc kế hoạch năm tiếp theo. Trường hợp cần thiết đề xuất dự án sau ngày 30/6, cơ quan tài chính báo cáo sự cần thiết gửi UBND cùng cấp xem xét, thống nhất. Chủ đầu tư căn cứ văn bản thống nhất danh mục dự án của Ủy ban nhân dân các cấp để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Đối với dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất không làm thay đổi công năng, quy mô công trình có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng: Danh mục dự án dự kiến sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thuộc kế hoạch năm tiếp theo của Ủy ban nhân dân các cấp xem như là chủ trương đầu tư, chủ đầu tư căn cứ để triển khai các bước tiếp theo, không phải lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Điều 8. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án

1. Quyết định đầu tư phải đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, không làm vượt tổng mức đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quá trình lập, thẩm định dự án hoặc điều chỉnh dự án nếu buộc phải điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, phạm vi, vượt quy mô, vượt tổng mức đầu tư dự án, bao gồm cơ cấu vốn đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư thì phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh quản lý.

3. Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 27, Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 6 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Chủ đầu tư dự án

1. Chủ đầu tư được xác định trước khi lập dự án đầu tư xây dựng hoặc khi phê duyệt dự án hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các nội dung quy định khác về chủ đầu tư, tổ chức quản lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019, Luật xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP,

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định dự án

1. Dự án không có cấu phần xây dựng: cơ quan chủ trì thẩm định được quy định như sau:

a) Dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định dự án do cấp tỉnh quản lý; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổ chức thẩm định dự án do cấp xã quản lý.

b) Dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư: Cơ quan chủ trì thẩm định tại điểm a khoản 1 Điều này gửi hồ sơ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật để lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trừ dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

c) Dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy định này: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định dự án.

2. Dự án có cấu phần xây dựng:

a) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật của người quyết định đầu tư:

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 đối với dự án thuộc cấp mình quản lý.

- Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt: Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện đối với dự án do cấp tỉnh quản lý; phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thực hiện đối với dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã thực hiện đối với dự án do cấp xã quản lý.

- Trường hợp dự án có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 12 Quy định này: Người đứng đầu đơn vị tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư, không phải trình qua cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công.

b) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng: Ngoài nội dung thẩm định của người quyết định đầu tư do cơ quan chủ trì thẩm định, tổng hợp thực hiện nêu tại điểm a khoản này, dự án đầu tư còn phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm định theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

3. Các dự án tu bổ di tích bên cạnh việc tuân thủ nội dung khoản 1, khoản 2 Điều này còn phải trình thẩm định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa:

- Đối với di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia: Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, gửi Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án.

- Đối với di tích cấp tỉnh: Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, trình Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định dự án.

- Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trình kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa làm cơ sở xem xét, thẩm định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư hoặc tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư lập dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy định này làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ dự án, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân công, phân cấp để thẩm định các nội dung theo quy định yêu cầu.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức thẩm định và gửi báo cáo kết quả thẩm định đến chủ đầu tư, đồng gửi Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp kết quả thẩm định.

4. Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn chỉnh dự án đầu tư gửi Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân các cấp. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực liên quan (nếu có), trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện, cấp xã quản lý.

3. Ủy quyền Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất do ngành mình quản lý.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất không làm thay đổi công năng, quy mô công trình có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do đơn vị mình quản lý.

Điều 13. Điều chỉnh dự án

1. Dự án đã được quyết định đầu tư được điều chỉnh theo quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 61 Luật Xây dựng năm 2014, khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

2. Việc điều chỉnh dự án phải được người quyết định đầu tư chấp thuận điều chỉnh trước khi thực hiện, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này. Cơ quan đầu mối tiếp nhận đề xuất của chủ đầu tư, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chấp thuận điều chỉnh dự án như sau: Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án do cấp tỉnh quản lý; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện đối với dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án do cấp xã quản lý.

3. Đối với trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, phạm vi, vượt quy mô, vượt tổng mức đầu tư dự án, bao gồm cơ cấu vốn đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án đó. Việc điều chỉnh dự án phải được thẩm định, phê duyệt. Căn cứ chấp thuận điều chỉnh dự án của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy định này.

5. Chủ đầu tư dự án tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Người có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh dự án sau khi dự án đã được thẩm định, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

6. Chủ đầu tư được tự điều chỉnh dự án và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình trong những trường hợp như sau: không thay đổi nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt; không thay đổi chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc; không thay đổi mục tiêu, địa điểm xây dựng, quy mô sử dụng đất, quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp bố trí công năng chính trong công trình; không làm tăng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt; không làm tăng thời gian thực hiện dự án. Trường hợp sử dụng dự phòng phí dự án phải báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện điều chỉnh dự án.

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán

1. Thẩm quyền thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án:

a) Dự án có cấu phần xây dựng: cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tổ chức thẩm định.

b) Dự án không có cấu phần xây dựng: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định đối với dự án do cấp tỉnh quản lý; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện tổ chức thẩm định đối với dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định đối với dự án do cấp xã quản lý.

2. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Đối với dự án thiết kế một bước: Thực hiện theo thẩm quyền thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này.

b) Đối với dự án thiết kế hai bước: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định.

4. Thẩm định phương án kỹ thuật thi công, dự toán điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ của dự án, hạng mục khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ: Thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Thông tư số 195/2019/TT-BQP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

5. Việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán tu bổ di tích thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa: Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp tỉnh; có văn bản đề nghị Cục Di sản văn hóa tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Thẩm quyền phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án:

a) Dự án có cấu phần xây dựng: cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư phê duyệt.

b) Dự án không có cấu phần xây dựng: Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt dự toán do cơ quan mình thẩm định đối với dự án do cấp tỉnh quản lý.

2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Dự án thiết kế một bước: Người quyết định đầu tư phê duyệt theo thẩm quyền tại Điều 12 Quy định này.

b) Dự án thiết kế hai bước: Chủ đầu tư phê duyệt.

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án kỹ thuật thi công, dự toán điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ của dự án, hạng mục khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau khi đã được cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng thẩm định:

a) Dự án thiết kế một bước: Người quyết định đầu tư phê duyệt theo thẩm quyền tại Điều 12 Quy định này.

b) Dự án thiết kế hai bước: Chủ đầu tư phê duyệt.

Điều 16. Điều chỉnh thiết kế, dự toán

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo Điều 14, Điều 15 Quy định này. Trường hợp dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, nếu thay đổi thiết kế chi tiết không làm thay đổi quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt dự toán đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh thiết kế chi tiết.

3. Trường hợp dự toán xây dựng công trình điều chỉnh vượt dự toán đã phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận trước khi phê duyệt. Cơ quan đầu mối tiếp nhận đề xuất của chủ đầu tư, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chấp thuận điều chỉnh như sau: Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án do cấp tỉnh quản lý; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện đối với dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dự án do cấp xã quản lý.

Điều 17. Quản lý đấu thầu

1. Việc triển khai công tác đấu thầu phải thực hiện đúng các quy định của Luật Đấu thầu, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan. Nội dung, thời hạn phê duyệt các nội dung trong công tác đấu thầu, thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đấu thầu; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra, thanh tra, theo dõi đấu thầu và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án đầu tư thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

3. Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối về quản lý đấu thầu các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hủy, đình chỉ hoặc không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, giải quyết kiến nghị đấu thầu:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu khi phát hiện có hành vi vi phạm về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp tỉnh để giải quyết kiến nghị đấu thầu các gói thầu thuộc dự án trên địa bàn tỉnh.

c) Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện là cơ quan đầu mối thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu khi phát hiện có hành vi vi phạm về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

d) Bộ phận chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan đầu mối thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu khi phát hiện có hành vi vi phạm về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

5. Thẩm quyền thẩm định về đấu thầu các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư:

a) Giao Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu các gói thầu xây lắp thuộc chuyên ngành mình quản lý.

b) Giao Sở Tài chính tổ chức thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu các gói thầu mua sắm thiết bị, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chuyên ngành của các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành.

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu các gói thầu liên quan nhiều chuyên ngành; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và tham mưu xử lý tình huống đấu thầu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao trách nhiệm cho các phòng chuyên môn phù hợp để tổ chức thẩm định các nội dung về đấu thầu để quyết định phê duyệt.

7. Trách nhiệm của chủ đầu tư về đấu thầu:

a) Thực hiện các quy định tại Điều 74 Luật Đấu thầu.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng, cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu đảm bảo quy định, yêu cầu của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Gửi các quyết định phê duyệt liên quan công tác đấu thầu đến Sở Kế hoạch và Đầu tư và phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện để theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo về đấu thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

d) Đối với các gói thầu thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh: Sau khi đăng tải thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu phải đồng thời tổ chức thực hiện việc đăng tải nội dung các thông báo trên cùng với hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt lên Trang thông tin đấu thầu của tỉnh tại tên miền <http://dauthau.thuathienhue.gov.vn> để các nhà thầu có thể tải thông tin lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Việc tiếp nhận hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014.

Điều 18. Hợp đồng

1. Việc ký kết, triển khai, quản lý thực hiện hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng đảm bảo tuân thủ Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối với các trường hợp điều chỉnh hợp đồng phải báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận theo quy định pháp luật: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận điều chỉnh hợp đồng của dự án do cấp tỉnh quản lý; Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện tiếp nhận, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận điều chỉnh hợp đồng của dự án do cấp huyện quản lý; bộ phận chuyên môn Ủy ban Nhân dân cấp xã tiếp nhận, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận điều chỉnh hợp đồng của dự án do cấp xã quản lý.

3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

Điều 19. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

1. Giao trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của tỉnh.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng; thực hiện Quy chế tổ chức thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn tỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, các chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, đánh giá đầu tư; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, áp dụng công nghệ thông tin vào giám sát đầu tư, quản lý dự án theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Người quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư và trường hợp cần thiết khác.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện, bộ phận chuyên Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức kiểm tra dự án do cấp mình quản lý theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 20. Quản lý chi phí, chất lượng công trình xây dựng

1. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, thực hiện theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành; quy định của UBND tỉnh.

3. Việc quản lý tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

5. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công; công bố chỉ số giá xây dựng theo phương pháp, nội dung quy định của Bộ Xây dựng.

6. Giao Sở Xây dựng chủ trì, tổ chức xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Ngoài các nội dung quy định cụ thể tại Quy định này, công tác quản lý dự án còn phải thực hiện theo đúng các quy định có liên quan khác của pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ vào Quy định này để kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện các công tác quản lý quy hoạch và dự án đầu tư; thực hiện công khai quy trình, thủ tục liên quan đến quy hoạch và dự án đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định quy định những vấn đề về quản lý dự án trên địa bàn; hướng dẫn quy trình cụ thể giải quyết các công việc liên quan thuộc thẩm quyền.

4. Các chủ đầu tư căn cứ vào quy định hiện hành của nhà nước về xây dựng cơ bản để kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; xây dựng và công khai quy chế làm việc liên quan của cơ quan, đơn vị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư; thực hiện nghiêm túc nội dung Quy định này và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính căn cứ trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt, hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện các thủ tục hành chính, các công việc thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc các Sở; hướng dẫn các chủ đầu tư quy trình thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ nhiệm vụ quản lý chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này.

7. Quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước, các chủ đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về chế độ học bổng đối với lưu học sinh Lào
theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2021 - 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2915/TTr-STC ngày 27 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về chế độ học bổng đối với lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2021 - 2022 như sau:

1. Mức chi đào tạo thanh toán cho cơ sở đào tạo:

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/năm học

STT	Nội dung	Năm học 2021 - 2022
1	Đại học và sau Đại học	
a	Nhóm ngành Khoa học xã hội, Kinh tế, Luật, Nông lâm thủy sản	18.400
b	Nhóm ngành Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Thể dục thể thao, Nghệ thuật, Du lịch, Khách sạn	20.300
c	Nhóm ngành Y dược	22.900
2	Học Tiếng Việt để thi tuyển vào các bậc học	13.400

Riêng định mức chi đào tạo hệ Cao đẳng, Trung cấp áp dụng theo mức thu học phí quy định hiện hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Sinh hoạt phí cấp trực tiếp cho lưu học sinh:

Quy định mức sinh hoạt phí hỗ trợ cho lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.800.000 đồng/tháng (bao gồm chi phí ăn, ở, trang phục cá nhân và các chi phí sinh hoạt khác).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc sửa đổi, bổ sung chế độ học bổng cho lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các nội dung không quy định tại Quyết định này vẫn được thực hiện theo Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Quy định về chế độ học bổng đối với lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Ngoại vụ, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 111/TTr-STP ngày 23 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hình thức, nội dung phối hợp hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế.
3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.
4. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Hội doanh nhân trẻ tỉnh (viết tắt là tổ chức đại diện cho doanh nghiệp).
5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là doanh nghiệp).
6. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Đảm bảo hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Xác định trách nhiệm chủ trì, phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Nâng cao nhận thức pháp luật của doanh nghiệp và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị phối hợp.

2. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này được thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

3. Phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thực hiện thường xuyên, kịp thời và có trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ và được xác định cụ thể tại Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm và 5 năm của tỉnh. Chú trọng và quan tâm việc hỗ trợ pháp lý đối với các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; thuế; bảo hiểm; trong quá trình doanh nghiệp tiếp cận đến nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, khoa học, công nghệ và các chính sách ưu đãi của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP

HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của các quan, tổ chức có liên quan; các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo;

2. Khi nhận được ý kiến góp ý của các quan, tổ chức có liên quan; tổ chức đại diện cho doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan soạn thảo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Phối hợp cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Cơ quan Công báo tỉnh có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Công báo tỉnh theo quy định tại Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp và cá nhân có liên quan được tiếp cận, sử dụng miễn phí các thông tin đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Công báo tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của Tòa án; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan lên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp trong áp dụng chung về pháp luật lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Phối hợp phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Căn cứ vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp như:

a) Xây dựng hệ thống bài giảng, tài liệu điện tử cung cấp kiến thức pháp luật đầu tư, kinh doanh, các cam kết quốc tế và những nội dung cần thiết khác cho doanh nghiệp.

b) Thực hiện tham vấn ý kiến của các cơ quan có liên quan; các doanh nghiệp trong việc xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp (nếu có).

c) Mời chuyên gia, báo cáo viên chuyên ngành hoặc có kinh nghiệm để trình bày có hiệu quả nội dung các tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp.

d) Các hình thức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp khác.

3. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phải có kế hoạch cụ thể và tránh trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; chú trọng các quy định, những đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp.

Điều 9. Phối hợp trong việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp liên quan đến các quy định pháp luật, quyết định hành chính, hành vi hành chính và các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp qua các hình thức văn bản giấy, thư điện tử, hội nghị, hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết, cơ quan, đơn vị, địa phương trả lời cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh. Trường hợp kiến nghị, phản ánh phức tạp thì được kéo dài thời hạn giải quyết nhưng không vượt quá 30 ngày làm việc.

Nếu có lý do chính đáng để không giải đáp pháp luật thì cơ quan được yêu cầu giải đáp phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp.

b) Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc cần lấy ý kiến phối hợp thì trong thời hạn 02 ngày làm việc phải chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan phối hợp. Cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến phối hợp có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc.

c) Tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp để báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Thực hiện các quy định tại Khoản 2 nêu trên và có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp khi các cơ quan, đơn vị, địa phương không thống nhất với nhau về thẩm quyền giải quyết.

b) Làm đầu mối tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp từ các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

Điều 10. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện:

a) Thông báo đến Sở Tư pháp đối với Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do cơ quan, tổ chức ban hành hoặc tham mưu ban hành.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu cần thiết);

2. Sở Tư pháp thực hiện

a) Tổng hợp thông tin về chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ các sở, ban, ngành có liên quan.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nếu có yêu cầu.

c) Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm (nếu có).

Điều 11. Khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, các sở, ban, ngành khác có liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia Đoàn khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

2. Thực hiện góp ý và hoàn chỉnh Phiếu khảo sát;

3. Tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả khảo sát;

4. Báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 12. Báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện công tác báo cáo như sau:

a) Báo cáo định kỳ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

c) Báo cáo các nội dung khác liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu có).

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

Tổng hợp, báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

b) Làm đầu mối tổng hợp các ý kiến, kết quả thực hiện công tác phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ các nội dung của Quy chế này và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện nội dung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật lên Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc liên kết với Cổng thông tin điện tử khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Bổ sung mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong chuyên mục doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành và địa phương

a) Căn cứ kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ động thực hiện nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc theo địa bàn quản lý.

b) Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp theo thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp các bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này.

Điều 15. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Bố trí người làm công tác pháp chế doanh nghiệp hoặc thuê Luật sư tư vấn để giúp doanh nghiệp thực thi pháp luật.

2. Chủ động tìm hiểu pháp luật, liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cung cấp thông tin, giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý theo quy định tại Quy chế này.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết về nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp

1. Chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ.

2. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp là hội viên trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là thành viên.

3. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Điều 17. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí hỗ trợ khác (nếu có).

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập, đề nghị cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/CT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 9 năm 2021

CHỈ THỊ**Về việc tuyển chọn và gọi công dân vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2022**

Trong năm 2021, công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và sự nỗ lực, cố gắng của Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp đã đạt được kết quả tích cực. Các địa phương đã chủ động thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đảm bảo công khai, công bằng dân chủ, đúng Luật.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số địa phương chưa phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị ở cơ sở. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa thường xuyên, chưa toàn diện, chưa xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trong tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ nên còn xảy ra hiện tượng chống, trốn lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2022. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc công tác tuyển quân năm 2022 đúng Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Công an nhân dân năm 2018 và các nghị định, thông tư, hướng dẫn một cách chặt chẽ. Quá trình thực hiện phải nêu cao và gắn trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan quân sự, công an các cấp, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp trong tổ chức thực hiện công tác tuyển quân.

2. Tiếp tục quán triệt và làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nhân dân trên địa bàn tỉnh, chú trọng đối tượng là công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa chính trị, tầm quan trọng của công tác tuyển quân cho tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Phát huy truyền thống dân tộc, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam và truyền thống quê hương; các sở, ban, ngành của tỉnh phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế tăng cường và đổi mới phương pháp tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng để tạo phong trào quần chúng sôi nổi, đồng thời khích lệ, động viên thanh niên, xây dựng khí thế thi đua sẵn sàng nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

3. Các địa phương tổ chức đăng ký, quản lý tốt nguồn công dân sẵn sàng nhập ngũ. Chỉ đạo cơ quan quân sự và cơ quan công an để phối hợp đồng bộ, chặt chẽ việc đăng ký quản lý nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ. Để đảm bảo công bằng xã hội trong thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế chỉ đạo Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp ưu tiên tuyển chọn và gọi nhập ngũ số cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ và con em của cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, tổ chức nhà nước. Tập trung tuyển chọn thanh niên có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học cao hơn năm 2021 để nâng cao chất lượng tuyển quân.

4. Từng thành viên của Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND và Hội đồng nghĩa vụ quân sự cùng cấp về công tác tuyển quân năm 2022 theo địa bàn phụ trách. Theo chức trách nhiệm vụ của từng sở, ngành, chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ tuyển quân, ban hành văn bản chỉ đạo ngành dọc cấp dưới và bám sát cơ sở ngay từ đầu để giúp đỡ địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Công an tỉnh phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thống nhất chỉ đạo công tác tuyển chọn nguồn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đúng quy định, bảo đảm chỉ tiêu được giao. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác xét duyệt, hoàn chỉnh lý lịch hồ sơ công dân nhập ngũ theo đúng Thông tư liên tịch số 50/2016/TTLT-BQP-BCA ngày 15 tháng 04 năm 2016 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về việc quy định tiêu chuẩn chính trị tuyển chọn công dân vào phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Thông tư số 44/2018/TT-BCA ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công an quy định tiêu chuẩn về chính trị của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân. Chỉ đạo, hướng dẫn công an các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện nghiêm những văn bản quy định của cấp trên, tổ chức triển khai thực hiện chặt chẽ quy trình tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ

tham gia Công an nhân dân; phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp xử lý nghiêm các trường hợp chống, trốn nghĩa vụ quân sự. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để lọt những trường hợp công dân không đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, tiền án, tiền sự... vào Quân đội, Công an.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Công an nhân dân năm 2018 chủ trì phối hợp với cơ quan quân sự, công an cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục, Phòng giáo dục các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự. Tiến hành phúc tra, xác minh, cung cấp đầy đủ thông tin về trình độ học vấn của công dân nằm trong độ tuổi nhập ngũ từ đủ 18 đến 25 tuổi và số công dân tuổi từ 26 đến 27 được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ, báo cáo UBND, thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp để phục vụ công tác xét duyệt nghĩa vụ quân sự và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về chất lượng học vấn trong công tác tuyển quân.

7. Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố Huế phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp tổ chức sơ tuyển, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo đúng Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT- BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng về việc quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, Thông tư số 148/2018/TT-BQP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Bộ Quốc phòng về việc quy định tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, Thông tư số 45/2019/TT-BCA ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe và khám sức khỏe tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Chỉ đạo Hội đồng khám các huyện, thị xã, thành phố Huế xét nghiệm cận lâm sàng (siêu âm, điện tim, X quang, xét nghiệm các chất ma túy, HIV...) và để phòng chống dịch Covid-19 tiến hành xét nghiệm PCR cho 100% thanh niên trúng tuyển. Đồng thời chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu công dân nhập ngũ bị trả về vì lý do không đủ sức khỏe.

8. Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa và Thể thao; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Báo Thừa Thiên Huế phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Công an nhân dân năm 2018 và các văn bản liên quan đến công tác tuyển quân năm 2022 bằng nhiều hình thức phong phú, gắn với tuyên truyền pháp luật, phù hợp với từng địa bàn dân cư, để nhân dân và công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự biết, tự giác thực hiện nghĩa vụ của người công dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

9. Sở Tư pháp chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự, Công an các địa phương và các ban ngành có liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình xử lý theo Nghị định 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và các văn bản có liên quan đúng quy định của pháp luật cho cơ sở. Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và đoàn thể các cấp phối hợp chặt chẽ, có biện pháp xử lý nghiêm đối với những trường hợp trốn, chống lệnh gọi khám, gọi nhập ngũ và các cá nhân, tập thể có hành vi cản trở việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 và Luật Công an nhân dân năm 2018.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp mình, các xã, phường, thị trấn đảm bảo 100% hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, đạt chất lượng cao, đúng luật, không có bù đổi, loại trả. Công tác tuyển chọn phải kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thường xuyên kiểm tra, giám sát, thực hiện công bằng xã hội.

11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động tỉnh và các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ làm tốt công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới thuộc quyền phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương thực hiện tốt quy trình công tác tuyển quân, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và công tác chính sách hậu phương Quân đội. Có kế hoạch phân công trách nhiệm cho từng cán bộ theo dõi phụ trách địa bàn, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh những sai sót trong suốt quá trình thực hiện, nắm chắc mọi tình hình, kịp thời giúp đỡ địa phương thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2022 đạt 100% chỉ tiêu, bảo đảm số lượng, chất lượng.

12. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giao nhận quân năm 2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức rút kinh nghiệm công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, khen thưởng và đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác tuyển quân.

13. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh) phối hợp với Công an tỉnh trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện Chỉ thị này báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế căn cứ vào nội dung Chỉ thị và tình hình cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương mình để có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt chất lượng, hiệu quả công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.